

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2019/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 01 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 84/TTr-SKHĐT ngày 14 tháng 01 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Những quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, môi trường, giám định tư pháp không quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính

sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường và các văn bản có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực xã hội hóa.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Đối tượng áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều này gọi chung là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa

Để được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa, dự án xã hội hóa phải đáp ứng đủ các điều kiện như sau:

1. Dự án phải thuộc danh mục các loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn được quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

2. Dự án phải phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, kế hoạch sử dụng đất hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định.

3. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, quy mô theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa đúng mục đích, có hiệu quả.

Điều 3. Các chính sách ưu đãi

1. Hỗ trợ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng

Nhà nước hỗ trợ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng cho cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa đủ điều kiện theo Quyết định này như sau:

- Dự án thực hiện trên địa bàn thành phố Bến Tre: ngân sách Nhà nước 50%, nhà đầu tư đóng góp 50% để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Dự án thực hiện trên các địa bàn còn lại: ngân sách Nhà nước 70%, nhà đầu tư đóng góp 30% để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Trường hợp cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa ứng trước 100% tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng thì sẽ được hoàn trả phần ngân sách Nhà nước đóng góp để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ thời điểm hoàn thành giải phóng mặt bằng. Đồng thời được hỗ trợ phần lãi suất vay đối với phần ngân sách Nhà nước đóng góp tương ứng với thời gian hoàn trả chi phí mà cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa đã ứng trước để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Trường hợp dự án xã hội hóa nằm trên địa bàn liên huyện (thành phố) thì mức đóng góp của nhà đầu tư được tính theo diện tích địa bàn của từng huyện (thành phố).

Kinh phí do nhà đầu tư đóng góp để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng được tính vào vốn đầu tư của dự án.

2. Ưu đãi hỗ trợ lãi suất vay

Dự án xã hội hóa đủ điều kiện theo quy định tại Điều 2 của Quyết định này vay vốn từ các Ngân hàng thương mại của tỉnh được hỗ trợ lãi suất vay vốn với mức hỗ trợ, thời hạn và phương thức hỗ trợ như sau:

a) Mức hỗ trợ lãi suất tiền vay là 5%/năm tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế. Trong đó, mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất bằng với mức cho vay thực tế của ngân hàng thương mại nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức vốn đầu tư của dự án (không bao gồm vốn lưu động).

b) Thời hạn hỗ trợ lãi suất tối đa (tính từ ngày giải ngân lần đầu theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại):

- Năm (05) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn thành phố Bến Tre.

- Bảy (07) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn còn lại.

c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ lần đầu ngay sau khi dự án hoàn thành, đi vào hoạt động và hỗ trợ hàng năm trong những năm tiếp theo cho đến hết thời hạn được hỗ trợ theo quy định hoặc chấm dứt hợp đồng tín dụng. Chỉ hỗ trợ ưu đãi lãi suất đối với phần lãi vay thanh toán đúng hạn.

3. Ngoài chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư được hưởng theo Quyết định này còn được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định tại Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về ban hành quy định chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện ưu đãi

Kinh phí thực hiện ưu đãi theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này được thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 5. Trách nhiệm của các sở ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương liên quan tổ chức thẩm định dự án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư; cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo thẩm quyền; hướng dẫn thực hiện các cơ chế chính sách của tỉnh liên quan đến việc đầu tư và ưu đãi đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa theo quy định. Ưu tiên kêu gọi đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) để phát triển cơ sở vật chất cho giáo dục ngoài công lập.

b) Căn cứ danh mục kêu gọi xã hội hóa của các ngành, địa phương đề xuất; Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng danh mục kêu gọi xã hội hóa hàng năm của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định về việc sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn ngân sách địa phương,... để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư tạo quỹ đất sạch phục vụ kêu gọi đầu tư các dự án xã hội hóa.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch xã hội hóa cụ thể của từng ngành, lĩnh vực gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, làm cơ sở để cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020 và tổ chức kêu gọi đầu tư theo quy định.

b) Xây dựng danh mục kêu gọi xã hội hóa, mỗi dự án trong danh mục bao gồm các thông tin sau: sự cần thiết kêu gọi xã hội hóa, nhu cầu sử dụng đất, tổng vốn đầu tư, tiến độ đầu tư, dự kiến tiền thuê đất được miễn, dự kiến kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng; gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư vào tháng 10 hàng năm để xây dựng, điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án của năm trước đã ban hành để làm cơ sở kêu gọi xã hội hóa cho năm sau.

c) Hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa đăng ký nội dung hoạt động, trình tự thực hiện các chính sách xã hội hóa; thực hiện quản lý Nhà nước và phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ, xử lý vi phạm đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong quá trình hoạt động. Đồng thời, thực hiện nhiệm vụ giám sát các hoạt động, điều kiện hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa; thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá cho thuê cụ thể đối với cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý trong khung giá cho thuê theo quy định của Nhà nước.

b) Hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hoá về trình tự, thủ tục được hưởng chính sách ưu đãi về nhà, cơ sở vật chất, hỗ trợ tiền lãi vay; lập dự toán và thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước phù hợp theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở chuyên ngành trong lĩnh vực xã hội hóa; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp dự toán ngân sách hàng năm dành cho ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

d) Theo dõi việc thực hiện các chính sách về thuế, phí đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc lập, thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa về việc sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tạo quỹ đất sạch để phục vụ mời gọi đầu tư các dự án xã hội hóa.

5. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn lập, xét duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết các dự án xã hội hóa theo quy định.

b) Hệ thống hóa các quy định về quy hoạch xây dựng; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong xây dựng quy hoạch, phê duyệt quy hoạch phát triển các khu đô thị mới, khu công nghiệp cụm công nghiệp; trong đó có dành quỹ đất theo quy hoạch để đầu tư xây dựng phát triển các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

6. Cục Thuế tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiến hành giám sát việc thực hiện của các dự án xã hội hóa theo đúng điều kiện và tiêu chí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trường hợp phát hiện cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bãi bỏ các ưu đãi đầu tư đã ban hành theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng giá cho thuê đất đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa có tính tiền thuê đất theo quy định.

7. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cho các nhà đầu tư thuê đất thực hiện xã hội hóa trong các khu công nghiệp theo các chính sách tại Quyết định này.

b) Phối hợp với Cục thuế tỉnh, các Sở quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra việc sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả đối với các dự án xã hội hóa nằm trong các khu công nghiệp.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để cho chủ đầu tư thuê đất thực hiện các dự án xã hội hóa; phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa để bảo đảm sử dụng đất đúng mục đích và có hiệu quả.

b) Phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan xây dựng và trình phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho nhu cầu xã hội hóa đối với các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp.

c) Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Chỉ đạo việc triển khai, theo dõi, quản lý cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

Ngoài trách nhiệm theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ, cơ sở thực hiện xã hội hóa còn phải thực hiện những trách nhiệm sau:

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa khi lập dự án đầu tư để được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa phải cam kết thực hiện đúng tiến độ và các tiêu chuẩn theo quy định.

2. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc giải phóng mặt bằng và triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định.

3. Triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ trong quyết định chủ trương đầu tư. Báo cáo tiến độ triển khai dự án định kỳ hàng tháng, quý cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan theo quy định.

4. Sau khi hoàn thành dự án, đưa vào hoạt động, nhà đầu tư phải gửi văn bản đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thông báo dự án đã được xây dựng hoàn thành. Đồng thời, gửi kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến dự án để cơ quan thuế tổ chức kiểm tra việc đáp ứng điều kiện về miễn tiền thuê đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định.

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

Đối với các dự án xã hội hóa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) thì nhà đầu tư vẫn tiếp tục được hưởng ưu đãi theo dự án đầu tư đã được phê duyệt trong thời gian còn lại của dự án.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre và các nhà đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành chính sách ưu đãi đầu tư đối với dự án xã hội hoá có sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Văn Trọng